

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2022/DS-ST
Ngày 28/12/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Mạnh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Chính
Bà Nguyễn Thị Bạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Lương Byă – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 269/2022/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 293/2022/QĐST-DS ngày 12/12/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân L, địa chỉ: Số Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị N – Sinh năm: 1996, địa chỉ: Số K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L1, địa chỉ: Số M, phường T, thành phố B, Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 15/3/2014, bà Nguyễn Thị Kim L1 mượn của ông L số tiền

50.000.000 đồng để làm ăn, tại giấy vay tiền thỏa thuận lãi suất 4%/1 tháng, trả lãi hàng tháng, khi ông L cần thì báo trước 01 tháng cho bà L1. Đến nay đã quá hạn trả nợ cho ông L và ông L đã báo trước 01 tháng như đã thỏa thuận nhưng bà L1 không chịu trả nợ cho ông L từ đó đến nay ông L đã liên hệ yêu cầu bà L1 trả nhưng bà L1 luôn trốn tránh không chịu trả nợ cho ông L theo cam kết việc bà L1 làm như trên đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L và ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình ông L. Nay ông L yêu cầu bà L1 trả số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và lãi suất tạm tính đến thời điểm khởi kiện là 49.500.000 đồng kể từ ngày 15/3/2014 đến ngày 10/6/2022 (99 tháng x 1%/tháng x 50.000.000 đồng).

*** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L1 trình bày:**

Bà L1 và ông Nguyễn Xuân L là hàng xóm với nhau, năm 2014 thì ông L có nói với bà L1 biết ai cần vay tiền thì giới thiệu cho ông để ông cho họ vay, hàng tháng bà L1 phụ ông L đi lấy tiền của người vay về thì ông L cho bà L1 từ khoảng 200.000 đồng đến 400.000 đồng. Bà L1 có nói với ông L là có ông C người quen của bà L1 muốn vay tiền của ông L với số tiền 50.000.000 đồng, ông L đồng ý cho vay và viết vay tiền với số tiền 50.000.000 đồng rồi yêu cầu bà L1 ký vào giấy. Sau khi nhận tiền từ ông L bà L1 đã giao số tiền 50.000.000 đồng cho ông C. Bà L1 và ông C không viết giấy tờ gì với nhau về số tiền này. Quá trình vay tiền ông C không đến gặp ông L mà bà L1 là người đứng ra vay. Sau này không trả được tiền lãi thì ông C có đến gặp ông L để trao đổi. Đối với giấy vay tiền đề ngày 15/3/2014 thì do ông Nguyễn Xuân L tự viết và yêu cầu bà L1 ký vào nên bà L1 không nắm rõ nội dung trong giấy. Chồng bà L1 đã chết vào năm 2012. Nay ông L khởi kiện để yêu cầu bà L1 thanh toán số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi suất là 49.500.000 đồng thì ý kiến của bà L1 như sau: Bà L1 sẽ liên hệ với ông C để giải quyết số nợ đối với ông L.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L1 vắng mặt, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Kim L1 phải trả cho ông Nguyễn Xuân L tổng số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L1 vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về số tiền vay: Quá trình tham gia tố tụng, bà Nguyễn Thị Kim L1 thừa nhận có ký và viết tên “Nguyễn Thị Kim L1” tại mục “Người vay ký tên” theo giấy vay tiền ghi ngày 15/3/2014 với số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà L1 cho rằng có ông C muốn vay tiền của ông L, sau đó ông L đồng ý cho vay và viết vay tiền với số tiền 50.000.000 đồng rồi yêu cầu bà L1 ký vào giấy, sau khi nhận tiền từ ông L thì bà L1 đã giao số tiền 50.000.000 đồng cho ông C, bà L1 sẽ liên hệ với ông C để giải quyết số nợ đối với ông L.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Kim L1 phải trả cho ông L số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất với mức 1%/tháng kể từ ngày 15/3/2014.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Bà L1 thừa nhận có nhận số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng từ ông L và có ký, viết tên “Nguyễn Thị Kim L1” tại mục “Người vay ký tên” theo giấy vay tiền ghi ngày 15/3/2014, vì vậy yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về lãi suất: Tại giấy vay tiền thỏa thuận lãi suất 4%/1 tháng, tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu tính lãi suất với mức 1%/tháng kể từ ngày 15/3/2014, mức lãi suất 1%/tháng phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy cần chấp nhận để tính lãi suất từ ngày 15/3/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/12/2022 là: $50.000.000 \text{ đồng} \times 105 \text{ tháng} \times 1\% / 1 \text{ tháng} = 52.716.667 \text{ đồng}$.

[3.3] Đối với việc bà L1 cho rằng vay số tiền 50.000.000 đồng để cho ông C vay: Hội đồng xét xử xét thấy giấy vay tiền chỉ thể hiện nội dung vay giữa ông L và bà L1, lời khai của bà L1 về ông C cũng không được ông L thừa nhận, ông L cho rằng không biết ông C là ai và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện để buộc bà L1 trả nợ. Tại phiên tòa bà L1 vắng mặt mà không có lý do chính đáng, quá trình tham gia tố tụng bà L1 cũng không cung cấp được tài liệu chứng minh việc vay

nợ có liên quan đến người tên C nên không có căn cứ để xem xét về nội dung trình bày này của bà L1.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau: $(50.000.000\text{đồng} + 52.716.667\text{ đồng}) \times 5\% = 5.135.833\text{đồng}$. Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân L.
- Buộc bà Nguyễn Thị Kim L1 phải trả cho ông Nguyễn Xuân L tổng số tiền là 102.716.667đồng (Một trăm lẻ hai triệu bảy trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 28/12/2022 là 52.716.667đồng (Năm mươi hai triệu bảy trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L1 phải chịu số tiền 5.135.833đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Xuân L số tiền 2.487.500đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0019816 ngày 05/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Đức Mạnh